

Bản án số 08/2019/HSST
Ngày 01 tháng 03 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Giáp Q Huy.
- Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Q Vinh; 2. Ông Phạm Đình Thìn.
- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 01/03/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 25/01/2019; Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn Q, sinh năm 1984; Tên gọi khác: Lê Thiều Q. Giới tính: N.

- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Lan Thượng, xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;

- Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 11/12;

- Họ tên bố: Ông Lê Trung T, sinh năm 1954; Họ tên mẹ: Bà Dương Thị H, sinh năm 1958 đều làm ruộng ở Lan Thượng, xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang; Gia đình có 03 anh, em, bản thân là thứ ba;

- Vợ: Chị Trần Thị H, sinh năm 1989, làm ruộng ở thôn Lan Thượng, xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;

- Con: Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010;

- Nhân thân: Bản án số 16/2003/HSST ngày 23/6/2003, TAND huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 tháng và 50.000đ án phí về tội "Trộm cắp tài sản" (đã chấp hành xong).

- Tiền án: Bản án số 76/2010/HSST ngày 26/11/2010, TAND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam 14/5/2010, 200.000đ án phí (đã chấp hành xong), trách nhiệm dân sự không có đơn yêu cầu.

+ Bản án số 03/2010/HSST ngày 28/01/2011, TAND huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, 200.000đ án phí hình sự và 1.450.000đ án phí dân sự (đã chấp hành xong), trách nhiệm dân sự không có đơn yêu cầu.

Tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 07 năm 06 tháng tù, Q chấp hành xong án phạt tù 02 bản án trên ngày 14/11/2017.

- Tiền sự: Không.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Lê Văn N, sinh năm 1991. Tên gọi khác: Không có.

- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Tân Vân, xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;

- Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/12;

- Họ tên bố: Lê Văn G, sinh năm 1958; Họ tên mẹ: Đỗ Thị T, sinh năm 1958 đều làm ruộng ở thôn Tân Vân, xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang; Gia đình có 02 anh, em, bản thân là thứ nhất; Vợ, con: Chưa có;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại: Ông Đặng Công K, sinh năm 1956 (vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Thịnh, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Q, sinh năm 1984 ở thôn Lan Thượng, xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang và Lê Văn N, sinh năm 1991 ở thôn Tân Vân, xã An Thượng là anh em họ. Khoảng 08 giờ sáng ngày 02/10/2018, N gọi điện thoại cho Q hỏi đang ở đâu thì Q nói đang sửa xe ở ngã ba thị trấn Nhã N, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, N liền đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Visson - BKS 98C1-148.15 của N đến gặp Q. Thấy N đến, Q nảy ý định cùng N đi trộm cắp tài sản, liền rủ N đi chơi, N đồng ý. Q bảo N cả hai cùng đi gửi xe mô tô của N ở nhà người quen Hương Cường, sau đó N điều khiển xe mô tô-BKS 20L6-7828 của Q chở Q đi; Trên đường đi chơi, Q bảo N chở đi lấy xe (tức đi trộm cắp xe), N hiểu ý và đồng ý đi trộm cắp xe cùng Q.

N điều khiển xe chở Q theo đường từ Tân Yên đến Tân Sỏi qua thị trấn Bồ Hạ về Tiên Lục đến thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang để sang Bảo Sơn, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang. Khi đi đến gần đoạn chân đường cao tốc đang thi công thuộc thôn Vĩnh Thịnh, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang thì Q phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu trắng-đen có BKS 98M1-031.14 của ông Đặng Công K, sinh năm 1956 ở thôn Vĩnh Thịnh để bên trái lề đường hướng đi Lục N, đầu xe

hướng ngã tư Vôi, Q bảo N lùi xe, đi chậm lại, quay vòng khoảng 02 đến 03 lần, mục đích quan sát có ai khác trông coi xe không để trộm cắp. Quan sát thấy không có ai trông coi, Q bảo N đi chậm lại và dừng xe cách xe Sirius khoảng 100m, sau đó Q bảo N điều khiển xe của Q đi và hẹn gặp ở cây xăng Q Tiến, huyện Tân Yên, còn Q đi bộ đến chỗ để xe Sirius. N tiếp tục đi, khoảng 50m hướng Lục N thì dừng lại, lúc này Q sử dụng vạm phá khóa hình chữ “T” và thanh phá khóa kim loại hình lục lăng một đầu dẹt lắp vào nhau để ở trong túi quần từ trước, chọc vào ổ khóa điện, dùng tay phải vặn mạnh theo chiều kim đồng hồ thì mở được khóa, đề nổ máy rồi Q điều khiển xe trộm cắp được hướng thị trấn Vôi đi Bồ Hạ, qua Cao Thượng, Tân Yên đến cây xăng Q Tiến. Tại đây, Q chờ khoảng 30 phút không thấy N đến, sau đó vào nhà nghỉ ở huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (không nhớ địa chỉ). Sáng ngày hôm sau, Q đem chiếc xe Sirius trộm cắp được cầm cố cho một người đàn ông không quen biết ở huyện Việt Yên với giá 3.000.000đ, Q nhận 2.850.000đ (đã bị cắt lãi 150.000đ).

Sau khi Q trộm cắp được xe, lúc này khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, N điều khiển xe mô tô của Q bỏ chạy đến khu vực công trường thi công tuyến đường Quốc lộ 1A đoạn qua xã Tân Hưng, giao cắt với đường tỉnh lộ 295 thì bị anh Phùng Thế Linh, sinh năm 1976 ở Khu 3, xã Tam Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ và quần chúng nhân dân bắt giữ bàn giao người và vật chứng N tự giao nộp gồm: 01 thanh kim loại một đầu dẹt một đầu hình trụ lục lăng để trong túi quần phía sau bên trái đang mặc (N khai quá trình đi xe Q đã để vào túi N); 01 chìa khóa xe mô tô, 01 xe Sirius màu đỏ-đen gắn BKS 20L6-7882 cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Lạng Giang.

Sau khi biết N bị bắt, ngày 16/10/2018, Q tìm được người mua và chuộc lại chiếc xe trên với giá 3.000.000đ, ngày 18/10/2018 Q đến Công an huyện Lạng Giang đầu thú và giao nộp chiếc xe trên cùng 100.000đ, 01 điện thoại di động Nokia đen-trắng màu xanh cho Cơ quan điều tra.

Đối với ông Đặng Công K, sau khi phát hiện bị trộm cắp xe mô tô, ngày 02/10/2018 đã trình báo Công an huyện Lạng Giang.

Ngày 18/10/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạng Giang định giá 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng-đen BKS 98M1- 031.14 đã qua sử dụng có giá 5.500.000đ.

Ngày 07/12/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lạng Giang đã trả lại chiếc xe Sirius trên cho ông Đặng Công K, ông K đã nhận xe không có yêu cầu bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Q và N.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-đen, số khung: RLCS5C640BY558588, có số máy 5C64558588, gắn BKS 20L6 - 7828, Q dùng để đi trộm cắp xe, Q khai mua của một người đàn ông tên Tuấn, Q không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể vào khoảng tháng 9/2018, Cơ quan điều tra đã xác minh chiếc xe trên là của Dương Q Nghĩa, sinh năm 1984 ở xóm Phả, xã Dương Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên là bị hại trong một vụ án khác, ngày 06/12/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lạng Giang đã chuyển Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên giải quyết theo thẩm quyền.

Về chiếc BKS20L6 - 7828 có đăng ký xe mang tên Nguyễn Minh Tiến (tức Nguyễn Văn Tiến) sinh năm 1982 ở thôn Tân Lập, xã Tân Đức, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, cơ quan điều tra đã xác minh hiện anh Tiến đã bán chiếc xe cho một người không nhớ tên tuổi địa chỉ cụ thể nên không xác định được.

Đối với 01 vạm chữ “T” Q dùng phá khóa xe, Q vớt trên đường đi, không nhớ rõ vị trí nên không có căn cứ truy tìm.

Đối với 100.000đ Q giao nộp là tiền của chị Trần Thị Hương, sinh năm 1989 ở thôn Lan Thượng, xã An Thượng là vợ của Q không liên quan đến hành vi phạm tội của Q, Cơ quan điều tra đã trả lại chị Hương.

Quá trình điều tra, Q khai không biết tên, tuổi, địa chỉ của người mua xe ở Việt Yên, nên cơ quan điều tra không xác định được.

Ngoài ra Q và N còn khai nhận: Khoảng giữa tháng 9/2018 (Q và N không nhớ cụ thể ngày), Q và N còn trộm cắp 01 xe mô tô loại xe Wave màu xanh để ở cửa một nhà dân thuộc khu vực thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang bán cho đối tượng tên Hoan được 3.500.000đ, Q chia cho N 200.000đ, số tiền còn lại Q đã ăn tiêu cá nhân hết. Quá trình điều tra đã xác định hiện trường vụ án theo chỉ dẫn của Q và N, thông báo tìm bị hại tuy nhiên không xác định được. Đối với đối tượng Hoan mua xe Q trộm cắp, Cơ quan điều tra đã xác minh số điện thoại 0987398555 là của Nguyễn Q Anh, sinh năm 1998 ở thôn Chung 2, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản từ năm 2017, không có mặt tại địa phương nên không xác định được đối tượng Hoan và chưa có căn cứ xử lý đối với Q và N trong vụ án này.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo Lê Văn N không có tình tiết tăng nặng TNHS. Bị cáo Lê Văn Q đã bị K án về tội "Trộm cắp tài sản" năm 2010 và năm 2011 chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" nên phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Lê Văn Q và bị cáo Lê Văn N có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị cáo được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Lê Văn Q ra đầu thú và có bố là Lê Trung Tâm được tặng huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba; bị cáo Lê Văn N có ông nội là Lê Duy Quế và bác ruột là Lê Duy Hòa là liệt sỹ hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Lê Văn N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vật chứng còn lại gồm: 01 điện thoại di động Nokia đen-trắng, 01 thanh kim lại một đầu dẹt một đầu hình trụ lục lăng, 01 chìa khóa mô tô, 01BKS20L6-7882 Cơ quan điều tra chuyển theo cùng vụ án để giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn Q và Lê Văn N đã khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-LG ngày 25/01/2019 của Viện kiểm sát huyện Lạng Giang đã truy tố các bị cáo về tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toá, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang trình bày quan điểm:

- Về tội danh: Đề nghị tuyên bố các bị cáo Lê Văn Q và Lê Văn N - Phạm tội: Trộm cắp tài sản.

- Về Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/10/2018, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo vì thuộc diện hộ nghèo.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo vì bị cáo là lao động chính, chưa có vợ và có bố đẻ bị bệnh tâm thần.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo Lê Văn Q 01 điện thoại di động Nokia loại đen trắng, màu xanh.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 thanh kim loại một đầu dẹt một đầu hình trụ lục lăng, 01 BKS 20L6-7882, 01 chìa khoá xe mô tô chiếc xe Sirius màu đỏ đen.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, xác định bị cáo Q thuộc diện hộ nghèo, bị cáo N là thân nhân liệt sĩ nên miễn án phí HSST cho các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nêu trên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Mong HĐXX, xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để các bị cáo có điều kiện cải tạo tốt nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án; Căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào quan điểm của Đại diện VKS; HĐXX nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 02/10/2018, tại khu vực thôn Vĩnh Thịnh, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, Lê Văn Q và Lê Văn N có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen BKS 98M1- 031.14 của ông Đặng Công K, sinh năm 1956 ở thôn Vĩnh Thịnh, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, xe mô tô có trị giá 5.500.000đ. Cơ quan điều tra đã thu hồi xe trả cho ông Đặng Công K và ông Đặng Công K không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về dân sự.

Hành vi mà các bị cáo thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Tài sản các bị cáo trộm cắp có giá trị 5.500.000đ; Do đó Viện kiểm sát huyện Lạng Giang đã truy tố các bị cáo về tội danh "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng qui định pháp luật hình sự.

Đối với bị cáo Lê Văn Q là người khởi xướng, đủ để bị cáo Lê Văn N cùng tham ra thực hiện hành vi phạm tội và bị cáo Q là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; Do đó xác định bị cáo Lê Văn Q là người giữ vai trò chính trong vụ án, nên phải chịu TNHS cao hơn bị cáo Lê Văn N.

Đối với bị cáo Lê Văn N là người là người được bị cáo Lê Văn Q rủ rê tham gia trộm cắp tài sản và đồng ý thực hiện hành vi phạm tội cùng bị cáo Lê Văn Q; Do đó xác định bị cáo Lê Văn N giữ vai trò đồng phạm với vai trò giúp sức trong vụ án và phải chịu TNHS tương xứng với vai trò của mình.

Do đó cần áp dụng một mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất và vai trò của các bị cáo mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo chờ thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[3]. Về nhân thân: Bản án số 16/2003/HSST ngày 23/6/2003, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo Lê Văn Q 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 tháng và 50.000đ án phí về tội "Trộm cắp tài sản" chấp hành xong án phí ngày 12/11/2003. Bị cáo Lê Văn N là người có nhân thân tốt.

[4]. Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo Lê Văn N không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào. Bị cáo Lê Văn Q đã bị K án về tội "Trộm cắp tài sản" năm 2010 và năm 2011 chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" nên phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo Lê Văn Q và bị cáo Lê Văn N có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị

cáo được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Lê Văn Q ra đầu thú và có bố là Lê Trung Tâm được tặng huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba; bị cáo Lê Văn N có ông nội là Lê Duy Quế và bác ruột là Lê Duy Hòa là liệt sỹ hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Lê Văn N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó cần xem xét để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình. Do bị cáo Q thuộc diện hộ nghèo, bị cáo N là lao động chính trong gia đình và là thân nhân liệt sỹ nên cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Lê Văn Q 01 điện thoại di động Nokia đen trắng không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tịch thu tiêu huỷ 01 thanh kim loại một đầu dẹt một đầu hình trụ lục lăng, 01 BKS 20L6-7882, 01 chìa khoá xe mô tô chiếc xe Sirius màu đỏ đen vì không còn giá trị sử dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xác định bị cáo Q thuộc diện hộ nghèo, bị cáo N là thân nhân liệt sỹ nên miễn án phí cho các bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Q; Tên gọi khác: Lê Thiều Q và Lê Văn N - Phạm tội: Trộm cắp tài sản.

[2] Về Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q; Tên gọi khác: Lê Thiều Q 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/10/2018. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[3] Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Lê Văn Q 01 điện thoại di động Nokia đen trắng.

Tịch thu tiêu huỷ 01 thanh kim loại một đầu dẹt một đầu hình trụ lục lăng, 01 BKS 20L6-7882, 01 chìa khoá xe mô tô chiếc xe Sirius màu đỏ đen.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ